TỔ CHỨC HỢP TÁC XÃ MIỀN NAM VIỆT NAM TRONG VÙNG CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN 1954-1975

ĐINH QUANG HẢI*
LÊ ĐÌNH TRỌNG**

Tháng 7 năm 1954 Hiệp định Giơnevơ được ký kết, theo các điều khoản của Hiệp định quy định Việt Nam tạm thời chia cắt thành hai miền Nam Bắc, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời để chờ đợi cuộc Tổng tuyển cử dự định tiến hành vào năm 1956, trong đó miền Nam Việt Nam đặt dưới quyền kiểm soát của Pháp và chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 31-12-1954, Ngân hàng Đông Dương chấm dứt hoạt động phát hành đồng bạc Đông Dương tại Việt Nam và bàn giao lại các cơ sở cho Chính phủ Hồ Chí Minh và Chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 1 tháng 1 năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam riêng tại Sài Gòn.

Ngày 30 tháng 9 năm 1955, Ngô Đình Diệm ra lệnh đình chỉ lưu hành đồng bạc Đông Dương và tổ chức in tiền riêng. Sự kiện thay thế đồng bạc Đông Dương bằng đồng tiền riêng có thể coi là một đòn "chí tử" của chính quyền Ngô Đình Diệm giáng vào các Hợp tác xã (HTX) tín dụng của các địa chủ Nam Kỳ thân Pháp. Từ đây về sau đã cơ bản chấm dứt vai trò của các HTX do thực dân Pháp thành lập trong nền kinh tế miền Nam Việt Nam trước đó.

Với âm mưu cố tình chia cắt miền Nam Việt Nam thành quốc gia riêng dưới quyền thống trị của gia đình, Ngô Đình Diệm đã khước từ mọi đề nghị hiệp thương tổng tuyển cử của Chính phủ Hồ Chí Minh. Được sự viện trợ dồi dào của Hoa Kỳ, Ngô Đình Diệm muốn phục hưng nền kinh tế miền Nam Việt Nam dưới nhãn mác "Quốc gia Việt Nam Cộng hòa" riêng. Trong các chính sách, biện pháp và hình thức tổ chức phát triển kinh tế đưa ra, chính quyền Ngô Đình Diệm luôn tuyên bố cực lực "đả thực, bài phong", nhưng trong thực tế vẫn "kế tục" và phát triển mô hình tổ chức HTX còn để lại của thực dân Pháp. Để củng cố và phát triển tổ chức HTX, chính quyền Ngô Đình Diệm đã ban hành một số văn kiện có tính chất "pháp lý" quy định về tổ chức HTX bao gồm: *Dụ số 24 ngày 27 tháng 8 năm 1954 ấn định quy chế tổng quát về HTX; Sắc lệnh số 41 về thành lập Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín; Sắc lệnh số 58-*

* TS. Viện Sử học
** ThS. Đại học Đồng Tháp

TTP ngày 11-3-59 tu chỉnh quy chế HTX; Nghị định số 12TU-ND ngày 16-5-59 ấn định thể thức thành lập chấp thuận, công bố HTX và đệ nạp văn kiện; Thông tư số 7TU-TT thi hành nghị định số 12TU-NĐ ngày 16-5-59" (1).

Kể từ sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, từ năm 1963 đến năm 1974, các chính quyền Sài Gòn kế tiếp nhau đều không ban hành thêm bất cứ một quy định nào về tổ chức hoạt động của các HTX. Như vậy, có thể coi những văn bản nêu trên là những văn bản pháp định quan trọng nhất và xuyên suốt quá trình tồn tại trên 20 năm của tổ chức HTX ở miền Nam Việt Nam.

Theo Sắc lệnh 58-TTP ngày 13 tháng 3 năm 1959 nêu định nghĩa: "*HTX là một hội thuộc một biệt loại có tư cách pháp nhân, tổ hợp trên căn bản nhân vị, tự do và bình đẳng, những người có nhu cầu chung để cùng hoạt động và bảo vệ quyền lợi kinh tế bằng một doanh nghiệp*"(2).

Trong khoảng từ 3 đến 5 năm đầu (1954-1956), do những quy định của Dụ số 24 quá rườm rà và phức tạp, nên các HTX tuỳ theo chuyên môn mà được đặt dưới sự quản lý của các Bộ tương ứng. Kiểu quản lý một cách phân tán, "chia năm xẻ bảy" này dẫn đến tình trạng "mạnh ai nấy làm", Bộ nào quan tâm thì HTX được chú ý hơn, Bộ nào nhiều ngân sách thì vốn hoạt động của các HTX trực thuộc nhiều hơn. Do đó, Ngô Đình Diệm đã phải "mất đứt" một "nhiệm kỳ" mà phong trào HTX vẫn chưa có sự chuyển biến đáng kể. Trước tình hình đó, ngày 27 tháng 2 năm 1959, Ngô Đình Diệm ký Sắc lệnh số 41-TTP về việc thành lập Phủ Tổng uỷ HTX và Nông tín để thống nhất quản lý các HTX về một mối, đồng thời dễ tổng hợp được nguồn vốn yểm trợ. Việc ban hành Sắc lệnh nói trên được chính quyền Sài Gòn khi ấy nhận định rằng: "*Chính sách HTX đã bước qua giai đoạn mới*" (3).

Về sự tổ chức quản lý của chính quyền Sài Gòn đối với các HTX giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1959 nói chung rất "lộn xộn", hình dáng của HTX như thế nào là do sự "nhào nặn" của các Bộ chủ quản của HTX đó; sau khi Sắc lệnh số 41 được ban hành thì trật tự có vẻ được "*vãn hồi*". Theo đó Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín được thành lập đặt trực tiếp thuộc Phủ Tổng thống, điều đó ít nhiều nói lên sự "*kỳ vọng*" của Ngô Đình Diệm vào tổ chức HTX trong việc phục hưng nền kinh tế Việt Nam Cộng hoà. Tuy nhiên, dấu mốc năm 1959 cũng khiến cho người ta có một sự liên tưởng nào đó đến sự "kỳ vọng" của ông Diệm vào tổ chức HTX và Nông tín trước diễn tiến phong trào đấu tranh ngày càng tăng của những người nông dân Nam Bộ đang bước vào thời kỳ tiền Đồng Khởi.

Về cơ cấu của Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín được tổ chức như sau: *Các Nha, Sở ở trung ương; Các cơ quan địa phương (trong đó có các Ty Hợp tác xã và Nông tín Tỉnh và Liên tỉnh; Các Khu Thanh tra Hợp tác xã và Nông tín Liên tỉnh; Các cơ quan ngoại thuộc (trong đó có Quốc gia Nông tín cuộc); Trung tâm nghiên cứu và huấn luyện Hợp tác xã*) (4).

Nhờ được đầu tư "mạnh tay" của chính quyền Sài Gòn bằng nguồn viện trợ Mỹ dồi dào đã giúp cho phong trào HTX tại miền Nam Việt Nam trong những năm từ 1954-1960 có sự phát triển rõ rệt (xem bảng 1).

Các số liệu thống kê trong bảng 1 cho thấy việc mở rộng phát triển tổ chức HTX của chính quyền Diệm có sự kế thừa các

Bảng 1: Số Hợp tác xã ở miền Nam từ năm 1954-1960

Năm	Lúa gạo	Nông nghiệp	Lâm sản	Chăn nuôi	Ngư nghiệp	Tiểu Công nghệ	Tiêu thụ	Ngành khác	Tổng số
1954	2	10	1	-	-	15	1	-	29
1955	18	15	3	-	8	30	2	-	76
1956	2	27	1	4	29	38	5	-	106
1957	4	18	1	-	20	15	1	-	59
1958	14	14	-	-	23	9	3	2	65
1959	-	17	-	-	-	-	-	-	17
1960	-	3	-	-	-	6	-	-	9
Tổng	*40*	*104*	*6*	*4*	*80*	*113*	*12*	*2*	*361*

Nguồn: Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín (VNCH), Phong trào Hợp tác xã tại Việt Nam (đến 30-6-1960), S, 1960, tr. 13

Bảng 2: Số HTX và xã viên ở miền Nam Việt Nam từ năm 1961-1963

Năm\Loại HTX	Số HTX			Số xã viên		
	1961	1962	1963	1961	1962	1963
Lúa gạo	41	42	42	37.768	38.205	38.951
Nông lâm mục	95	96	99	33.304	32.607	33.857
Ngư nghiệp	73	76	78	16.872	17.696	18.549
Công nghiệp	63	65	66	8.160	8.664	8.836
Tiêu Thụ	7	7	7	17.321	17.143	17.240
Tín dụng tiết kiệm	6	6	21	743	758	165
Kiến ốc			3			165
Tiểu thương			1			118
Tổng	285	292	317	113.471	115.770	122.386
Tổng cổ phần				47.060.43$	50.211.690$	56.678.848$

Nguồn: Phủ Tổng uỷ HTX và Nông tín, Phong trào Hợp tác xã tại Việt Nam từ năm 1961 đến năm 1963, S.1963.

HTX được thành lập từ 1954 trở về trước dưới thời Pháp thuộc. Tính chung từ năm 1954 đến 1960 số lượng HTX tại miền Nam tăng gấp gần 12 lần, trung bình mỗi năm tăng gần gấp 2 lần, trong đó chiếm tỷ lệ lớn nhất là khối các HTX thuộc liên ngành nông - ngư - tiểu công nghệ. Tuy nhiên, trong những năm cuối của chế độ Ngô Đình Diệm (1961 - 1963), sự phát triển của tổ chức HTX tại miền Nam đã chững lại. Theo thống kê tổng hợp từ các nguồn báo cáo của Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín các năm này cho thấy rõ điều đó (xem bảng 2).

Tính chung trong 3 năm cuối (1961-1963) của chế độ Ngô Đình Diệm, bằng gần 1/2 số thời gian trước đó, số HTX được thành lập mới chỉ có 53 HTX, tính ra tỷ lệ tăng chỉ đạt khoảng gần 60% so với tốc độ tăng trung bình mỗi năm trước đó, trong đó đáng kể là sự tăng lên của loại hình HTX Tín dụng và Tiết kiệm tập trung ở khu vực đô thị. Trong khoảng thời gian từ năm 1964-1968, số HTX mới thành lập đã tăng thêm 224 HTX, trung bình là 44,8 HTX/năm, một tỷ lệ thậm chí còn cao hơn cả thời kỳ "đỉnh cao" của HTX dưới thời Ngô Đình Diệm, tập trung chủ yếu ở loại hình HTX Tiêu thụ, Kiến ốc (xây dựng), trong khi đó các loại hình HTX khác, nhất là trong khối ngành nông nghiệp truyền thống,

tăng rất ít. Trong những năm từ 1968 - 1971 số HTX tăng dần lên qua từng năm thể hiện qua bảng 3.

Trong giai đoạn 1954-1960, số các HTX, nhất là HTX nông nghiệp, tăng mạnh bởi vì thời kỳ này còn tương đối "yên bình" đối với

Bảng 3: Số HTX và Xã viên ở miền Nam Việt Nam từ năm 1968-1971

	Số HTX				Số xã viên			
	1968	**1969**	**1970**	**1971**	**1968**	**1969**	**1970**	**1971**
Lúa gạo	42	42	42	42	40.345	40.345	40.345	40.345
Nông nghiệp	95	101	105	109	35.601	35.085	35.455	36.624
Lâm nghiệp	5	5	5	5	605	605	605	605
Chăn nuôi	14	17	24	30	2.333	2.454	2.889	5.275
Ngư nghiệp	80	81	82	83	19.281	19.381	19.458	19.568
Công kỹ nghệ	82	85	92	97	9.942	10.023	10.197	9.912
Tiêu thụ	100	106	108	115	45.199	46.907	47.721	50.361
Tiết kiệm-Tín dụng	54	60	70	76	9.608	9.906	11.257	14.422
Kiến ốc	74	75	80	90	7.838	8.004	8.610	9.778
Tiểu thương	12	12	12	12	1.410	1.410	1.410	1.315
Điện nông thôn	3	3	4	5	12.428	12.428	12.440	12.569
Tổng	**561**	**587**	**624**	**664**	**184.590**	**186.548**	**190.387**	**200.774**

Nguồn: Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín, Phong trào Hợp tác xã tại Việt Nam từ năm 1968 đến năm 1971, S.1971.

Bảng 4: Số cổ phần/ loại HTX/ từ năm 1968-1971

Ngành	1968	1969	1970	1971
Lúa gạo	13.641.790	13.641.790	13.641.790	13.691.790
Nông nghiệp	14.297.877	14.640.977	15.957.377	29.150.177
Lâm nghiệp	234.623	234.623	234.623	234.623
Chăn nuôi	1.659.400	1.752.200	4.403.900	8.251.603
Ngư nghiệp	6.275.800	6.285.800	8.565.800	9.186.420
Công kỹ nghệ	13.060.045	13.963.245	15.768.045	15.621.336
Tiêu thụ	12.353.050	13.241.350	14.871.350	17.534.526
Tín dụng-T.kiệm	8.471.879	8.800.679	9.351.979	11.144.028
Kiến ốc	5.562.856	5.728.075	7.673.075	9.370.450
Tiểu thương	41.520.856	41.520.850	41.520.856	36.720.856
Điện nông thôn	1.228.550	1.228.550	1.308.500	2.214.400
Tổng	**118.286.726**	**121.038.550**	**133.305.495**	**153.070.209**

Nguồn: Báo cáo của Nha HTX 1968-1969-1970-1971 (5).

Giai đoạn từ 1969-1974 số lượng HTX tăng thêm 189 HTX, tỷ lệ tương đương giai đoạn 1954-1960, số HTX thuộc ngành nông-lâm-ngư-mục tăng 86 HTX, số HTX phi nông nghiệp tăng 103 HTX. Số cổ phần góp vào các loại hình HTX cũng có sự thay đổi qua từng năm được thể hiện trong bảng 4.

Gắn tình hình phát triển nêu trên của HTX vào khung cảnh lịch sử của miền Nam Việt Nam lúc đó, chúng ta rút ra một số nhận xét:

chế độ Diệm, ít nhất cho đến hết năm 1958, đồng thời cũng do Ngô Đình Diệm chủ trương khôi phục kinh tế miền Nam trước hết bằng phục hưng sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên từ năm 1959 trở đi tình hình chính trị miền Nam có sự chuyển biến, phong trào cách mạng miền Nam đã quyết định được đường lối đấu tranh thống nhất đất nước, tạo nên phong trào "Đồng khởi" rầm rộ, rộng khắp nông thôn miền Nam khiến cho phạm vi hoạt động của các HTX ở nông thôn bị thu hẹp, do đó chỉ xuất hiện

thêm một số HTX Tín dụng và Tiết kiệm tại các khu vực đô thị trong thời kỳ này. Trong một báo cáo của chính quyền Sài Gòn năm 1959 phải thú nhận rằng: *"có 99 HTX được đề nghị giải tán sau cuộc kiểm tra tại chỗ"* (6)! Từ sau năm 1959 trở đi, năm nào cũng có các HTX bị đưa vào diện giải thể.

Giai đoạn từ sau đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 của quân và dân ta trên toàn miền Nam đánh dấu nhiều sự thay đổi trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội tại miền Nam: quân Mĩ trực tiếp tham chiến ở Việt Nam; lực lượng cách mạng nắm quyền chủ động ở khu vực nông thôn; nền kinh tế miền Nam Việt Nam ngày càng bị đảo lộn, suy sụp, phụ thuộc nặng nề vào viện trợ nước ngoài. Điều này thể hiện chính trong sự phát triển của các HTX: số HTX trong các ngành nông-lâm-ngư-mục tăng hầu như không đáng kể, song lại có sự phát triển vượt bậc của số lượng các HTX trong các ngành tiêu thụ, kiến ốc, tiểu thương. Bởi vì thực tế lúc đó ngành kinh tế dịch vụ của miền Nam rất phát triển do sự tăng lên của khối lượng hàng hoá viện trợ nhập cảng, tạo nên sự "phồn vinh giả tạo" tại các đô thị. Nhu cầu xây dựng các công sở, các công trình quân sự, nhà ở tăng lên rất nhanh. Các HTX kiến ốc nhờ đó cũng có cơ hội tăng lên không ngừng; thị trường miền Nam cũng đánh dấu một giai đoạn khủng hoảng với sự bất lực trong vai trò quản lý, điều tiết của chính quyền Sài Gòn, nhất là về thị trường lúa gạo, do đó sự ưu tiên phát triển các HTX tiêu thụ, tiểu thương cũng là nằm trong ý đồ giúp giành và giữ quyền kiểm soát thị trường.

Giai đoạn từ năm 1969-1975, số HTX theo thống kê vẫn tăng lên. Những năm này cũng có những sự kiện lớn tác động. Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, chính quyền Sài Gòn dồn tổng lực vào việc bình định nông thôn và thực hiện luật "Người cày có ruộng" từ năm 1970; đồng thời trên lĩnh vực công nghiệp cũng có sự khởi động với sự ra đời của các khu công nghiệp. Năm 1973, Hiệp định Paris ký kết, Mĩ rút quân, viện trợ giảm dần; khủng hoảng dầu mỏ cùng những tác động lớn về quân sự làm cho nền kinh tế miền Nam lâm vào khủng hoảng không thể cứu vãn; sự phát triển ngày càng áp đảo của lực lượng cách mạng trên mặt trận quân sự tiến tới thống nhất đất nước là một "kết cục nhìn thấy trước" của chính quyền Sài Gòn. Trong bối cảnh đó, HTX ở miền Nam cũng có sự phát triển tương ứng biểu hiện số HTX mới thành lập có tỷ lệ thấp hơn giai đoạn trước đó; sự đầu tư cứu vãn nền nông nghiệp hòng bình định nông thôn, sự khởi động của ngành công nghiệp, sự sụt giảm của lĩnh vực dịch vụ được biểu hiện ở tỷ lệ HTX nông nghiệp và phi nông nghiệp được thành lập trong giai đoạn này tăng lên, song thiếu sự cân đối. Thực chất của tổ chức HTX ở miền Nam Việt Nam trong giai đoạn chính quyền Nguyễn Văn Thiệu có lẽ nên để chính những người "đương thời" tại Sài Gòn nhận xét, đó là: *"trong số 322 cái được thành lập, đã có tới 191 cái ngưng hoạt động"* (7). Nhưng đó mới chỉ là nói riêng về tình cảnh của các HTX trong ngành nông-lâm-ngư-mục còn nếu tính chung đến năm 1974, theo thống kê sơ bộ của chính quyền Sài Gòn thì trên danh nghĩa còn 750 HTX các loại, trong đó chỉ còn 364 HTX được đánh giá là còn hoạt động (131 HTX nông nghiệp và 233 HTX phi nông nghiệp), một con số không hơn là mấy so với thời điểm kết thúc nền "Đệ nhất cộng hoà"! Tức là có đến 386 HTX (chiếm 51,5%) không còn hoạt động nữa! Điều đó

Bảng 5: Tình hình vay vốn qua tổ chức hợp tác xã từ năm 1957-1963

Năm	Số vốn vay qua HTX	Tỷ lệ % trong tổng vay cả năm	Số xã viên vay qua HTX	Số HTX được vay
1957	53.387.304,47	26	-	29
1958	89.349.197,20	14	-	80
1959	170.905.135,06	20	-	139
1960	276.688.338,34	30	-	170
1961	72.571.717,65	20	9.754	103
1962	66.695.100,00	12	12.848	-
1963	64.612.166,43	13	-	-

Nguồn: Tổng hợp từ các Báo cáo hoạt động các năm từ 1959-1963 của Phủ Tổng uỷ HTX và Nông tín

cho phép chúng ta kết luận rằng: trong giai đoạn 1964-1975 tổ chức HTX tại miền Nam Việt Nam hầu như không có sự phát triển nữa! Con số 386 HTX (51,5%) không còn hoạt động, cho thấy một tình trạng "*hữu danh vô thực*", tồn tại "*thoi thóp*" và sự sụp đổ, tan rã hàng loạt đang diễn ra trong hệ thống tổ chức HTX ở miền Nam thời đó.

Việc xem xét về cơ cấu tổ chức của các HTX trên đây là cần thiết nhưng chưa đủ nếu không đi sâu xem xét về chất lượng các HTX tại miền Nam giai đoạn 1954 - 1975. Vì vậy cần đi sâu nghiên cứu về một số hoạt động mang tính chất "nghiệp vụ" của các HTX. Ở đây, các tiêu chí để phân chia về "hoạt động nghiệp vụ" của các HTX được dựa vào và nghiên cứu theo các mảng hoạt động nghiệp vụ của các HTX miền Nam mà chính quyền Sài Gòn cũ vẫn thường theo đó để tổng hợp số liệu. Tuy nhiên sự phân chia, tổng hợp, đánh giá của chính quyền Việt Nam Cộng hòa về các mảng hoạt động nghiệp vụ của các HTX không có sự ổn định thống nhất, mà thường thay đổi khác nhau giữa các năm, các thời kỳ khiến cho việc nghiên cứu khá khó khăn. Vì vậy có thể tìm hiểu về HTX qua một số mảng hoạt động nghiệp vụ như: tín dụng, dịch vụ tiếp liệu phục vụ sản xuất và tiêu thụ, mãi dịch sản phẩm.

Về nghiệp vụ tín dụng của các HTX: Trước tiên cần tìm hiểu về nguồn vốn hoạt động chủ yếu của các HTX. Qua các báo cáo của chính quyền Sài Gòn cho thấy: "vốn hoạt động của HTX hầu hết là của Quốc gia Nông tín cuộc" (8). Đơn cử trường hợp của 21 HTX ngành Tiết kiệm tín dụng ở miền Nam Việt Nam cho đến ngày 31-12-1963, trong tổng số 14.477.688$ đã cho vay thì chỉ có 5.127.599$ là tiền của hội viên, còn lại 9.350.089$ là tiền vay từ Quốc gia Nông tín cuộc. Như vậy, từ thời Pháp thuộc qua thời Ngô Đình Diệm, nguyên tắc "nguyên thủy" của HTX là "tự góp vốn" vẫn không sao thực hiện được. Do đó khi nguồn vốn tín dụng của HTX do Quốc gia Nông tín cuộc chi phối về cơ bản thì có nghĩa là nhà nước sẽ giành quyền chi phối về tổ chức, hoạt động của HTX, thậm chí là bắt phải "trồng cây gì, nuôi con gì"! Tính "tự nguyện, tự chủ, tự quản" của HTX sẽ bị bóp méo. Về tình hình vay vốn qua tổ chức HTX ta có thể lấy ví dụ về giai đoạn "đỉnh cao" của HTX như sau (tính quy tổng giá trị bằng tiền mặt, vì thời kỳ Ngô Đình Diệm còn có cho vay cả bằng hiện vật như dụng cụ sản xuất: trâu bò, máy móc -TG) (xem bảng 5).

Qua bảng tổng hợp trên cho chúng ta thấy nhiều vấn đề về chất lượng, vai trò thực tế của tổ chức HTX trong hoạt động tín dụng phát triển kinh tế tại miền Nam dưới thời Ngô Đình Diệm nói riêng và cho cả giai đoạn của những người thay thế Diệm sau đó nói chung. Sự tập hợp trên đây còn chưa đầy đủ song cũng không hề phiến diện khi dùng để rút ra một số đánh giá sau đây:

Nếu năm 1960 được coi là năm "đỉnh cao" của phong trào HTX ở miền Nam nói chung, hoạt động của HTX ngành tín dụng nói riêng với con số 170 HTX được vay tiền của Quốc gia Nông tín cuộc có thể kết luận con số HTX có thể vay được tiền của chính quyền Sài Gòn qua các năm chưa khi nào đạt tới 50%, với số tiền vay được cũng chưa khi nào vượt quá 30% tổng số vốn cho vay năm ấy. Nếu tính tỷ lệ phần trăm số xã viên được vay vốn từ HTX so với tổng số người được vay trong năm thì cũng chỉ là một tỷ lệ quá nhỏ bé! Tại sao như vậy? Nếu nói chính quyền này thiếu vốn cho các HTX thực hiện tín dụng thì không đúng vì hầu như năm nào các HTX cũng vay ít hơn so với dự trù của Quốc gia Nông tín cuộc trong phân bổ ngân sách. Nếu đổ cho "Việt cộng phá hoại" cũng không thuyết phục hoàn toàn, vì từ 1954-1959 chỉ có chính quyền phát xít Ngô Đình Diệm "phá hoại Việt cộng", "tố cộng diệt cộng", còn những người cách mạng thì do chủ trương đấu tranh hoà bình nên chỉ toàn "điều" và "lắng". Ngay cả chính quyền Sài Gòn cũng thừa nhận rằng: "*ảnh hưởng đến tình trạng nầy, vấn đề an ninh tại địa phương chỉ là một nguyên nhân nhỏ*" (9).

Tất nhiên cũng phải thừa nhận là từ năm 1959 trở đi, khi lực lượng cách mạng thay đổi đường lối đấu tranh, ngày càng làm chủ khu vực nông thôn, thì việc các HTX của chính quyền Sài Gòn phải thu hẹp phạm vi hoạt động, hay chí ít là co về khu vực đô thị nhiều hơn... cũng là điều dễ hiểu. Nhưng nguyên nhân chính là do sự yếu kém từ trong nội tại của tổ chức HTX mà chính Phủ Tổng ủy và Nông tín, cơ quan chủ quản của các HTX, cũng phải thừa nhận, đó là:

Một là, do mô hình HTX là mô hình của các nước tiên tiến (mô hình HTX kiểu Mĩ - TG) chỉ phù hợp với trình độ nhận thức của nhân dân các nước đó, do đó khi áp dụng vào Việt Nam phải coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức quần chúng, song ngay từ đầu công tác này đã không làm tốt, thậm chí làm vấn đề này tệ hại thêm.

Hai là, thành phần Ban quản trị đáng lẽ phải là những người "*hành nghề*" song do những người hành nghề có trình độ hạn chế, nên phải giao chức quản trị vào tay các "thân hào, nhân sĩ" ở địa phương (phần đông là địa chủ - TG), họ là những người "không thật sự hành nghề nên không thể nào thông cảm hoàn cảnh của xã viên nghèo và không thiết tha với hoạt động của Hợp tác xã", nên họ thường "khoán trắng công việc cho quản lý".

Ba là, "các quản lý không được lựa chọn kỹ càng, nên làm việc không có kết quả". Do đó hậu quả là các HTX tín dụng lâm vào tình cảnh "cho vay đã khó, đòi nợ còn khó hơn"; Từ đó Quốc gia Nông tín cuộc không dám xuất tiền, các HTX cũng nhiều khi không dám vay.

Tuy nhiên sự giải thích của chính quyền Sài Gòn như thế vẫn chưa thoả đáng. Xét đến cùng, so với tổng nhu cầu vay vốn thì con số HTX, số xã viên, số vốn được vay của Quốc gia Nông tín cuộc quá nhỏ bé, vậy một số lớn còn lại họ làm thế nào? Đương

nhiên số đông là tự lực, hoặc vay của họ hàng làng xóm. Một phần rất đông còn lại thì chấp nhận vay của các thương lái, mà chủ yếu là tư sản Hoa kiều, các chủ chành lúa, chủ hiệu tạp hoá... dù lãi có cao hơn, song thủ tục đơn giản, cách thức linh động hơn! Bởi vì thủ tục cho vay của chính quyền, của HTX nhiều khi quá nhiêu khê, số tiền vay đã ít lại còn bắt để lại ít nhất 5% để gây quỹ tiết kiệm; chưa kể muốn vay vốn của HTX còn phải qua bao nhiêu buổi rao giảng rắc rối, trong đó còn phải nghe về chính sách "tố cộng diệt cộng" mà người nông dân lại chẳng muốn quan tâm thêm phiền phức. Ngoài ra cũng phải nói cho công bằng rằng, cũng nhiều khi do những người vay vốn làm ăn thua lỗ, do thiên tai dịch bệnh mất mùa nên chậm trả nợ khiến các HTX cũng gặp khó khăn với Quốc gia Nông tín cuộc. Nhưng nguyên nhân quan trọng nhất vẫn thuộc về sự tổ chức nội tại và sự điều hành yếu kém của Ban quản trị các HTX và liên đới một phần do sự can dự, sự lợi dụng HTX của chính quyền Sài Gòn các cấp qua sự chi phối của đồng vốn vào những mục đích phi kinh tế, thậm chí nặng về tuyên truyền chính trị. Có thể thấy rất rõ điều đó qua việc trong hai năm 1962-1963, các hoạt động tín dụng của Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín chủ yếu phục vụ cho việc thành lập các ấp chiến lược, nông dân vào ấp chiến lược được ưu tiên vay tiền ngay để sản xuất. Nhưng cách mà chính quyền Sài Gòn xây dựng các ấp chiến lược lại trở thành "con dao hai lưỡi" báo hại các HTX tín dụng. Phủ Tổng uỷ HTX và Nông tín phải thú nhận rằng: *"Năm 1963 là một năm có rất nhiều biến cố chính trị và quân sự, do đó đã thu hút phần lớn lực lượng nông thôn, làm cho hoạt động của Ngành phải bị thiệt thòi lép vế... Công tác ấp chiến lược động viên sự góp nhân, vật, tài lực của nông dân làm nông dân không còn thì giờ để sản xuất và tiền để trả nợ"* (10). Vì vậy khi các ấp chiến lược đổ bể thì đương nhiên sẽ kéo theo sự thất bại trong hoạt động của các HTX tín dụng "phục vụ chính trị" này!

Nghiệp vụ lớn thứ hai cần nghiên cứu để đánh giá thực chất vai trò, chất lượng của tổ chức HTX ở miền Nam giai đoạn 1954-1975 là *nghiệp vụ tiếp liệu sản xuất*. Đây là một mảng nghiệp vụ với rất nhiều các loại hoạt động như: *cung cấp giống, phân bón, thuốc trừ sâu, các nguyên vật liệu cho các ngành sản xuất, tổ chức dịch vụ máy cày, tưới tiêu nước, vận chuyển, xay xát* thậm chí tiếp liệu cả các nhu yếu phẩm phục vụ đời sống hàng ngày như: *gạo, muối, dầu hỏa*.

Về việc tiếp liệu các vật liệu sản xuất như phân bón, thuốc trừ sâu, trái với hy vọng là cung cấp hàng hoá giá rẻ, thì do yếu kém về năng lực, trong đó có cả năng lực nhập cảng, không cạnh tranh nổi với các thương gia và các công ty nhập cảng từ khu vực Sài Gòn, thậm chí phải mua lại hàng của họ để tiếp liệu cho nông dân, cho nên *"nghiệp vụ này không đem lại kết quả mong muốn vì giá phân nhượng cho xã viên cao hơn giá ngoài thị trường"* (11). Hay như trong việc nhập cảng ngô Mĩ phục vụ chăn nuôi cũng vẽ nên một bức tranh "hài hước" về tình trạng của các HTX: những HTX làm ăn nghiêm túc thì không nhập được ngô, các HTX "ma" lại nhập được ngô để đầu cơ tích trữ, tạo nên tình trạng khan hiếm hàng để nâng giá; tình hình căng thẳng đến mức Bộ Kinh tế phải triệu tập họp liên Bộ và quyết định: *"Bộ kinh tế xin xác nhận là các tổ chức không vì chấp nhận thêm đoàn viên mà buộc Bộ kinh tế phải chia thêm bắp"* (12). Các xã viên mới vào các HTX chăn nuôi phải tự tìm kiếm nguyên liệu để phát triển sản xuất đừng có hy vọng có bắp Mĩ! Qua đó càng cho thấy

sự phụ thuộc nặng nề vào viện trợ Mĩ, mà trường hợp "hài hước" ở đây là phụ thuộc vào số lượng bắp Mĩ nhập cảng nhiều hay ít. Hoặc tình cảnh của các HTX xay xát lúa, một khâu rất quan trọng trong nền sản xuất lúa gạo ở miền Nam thì lại lâm vào cảnh không thể cạnh tranh với các Hoa kiều vốn có truyền thống lâu đời trong nghề này, cho nên "*nghiệp vụ nhà máy xay lúa của các Hợp tác xã lúa gạo bị đình trệ, các Hợp tác xã bị lỗ... vì tiết giảm quá nhiều*" (13).

Đối với nghiệp vụ sản xuất và mãi dịch sản phẩm: khối các HTX sản xuất và mãi dịch một số nông sản và sản phẩm tiểu công nghệ cơ bản, tình cảnh cũng không khá gì hơn. Lấy ví dụ, lúa gạo là một nông sản nhiều và quan trọng nhất miền Nam cả ở khía cạnh sản xuất và trở thành hàng hoá trên thị trường, nhưng ngay cả trong những năm miền Nam còn xuất khẩu gạo thì các HTX thực sự không thể chen chân được vào thị trường này bởi sự cạnh tranh của các thương nhân Hoa kiều; ngay từ năm 1961, "*do những khó khăn đã gặp mấy năm trước, Liên hiệp HTX nông nghiệp toàn quốc không nhận mua lúa cho quân nhu trong năm 1961, nên Liên hiệp và các Hợp tác xã lúa gạo mất một số lợi tức đáng kể*" (14). Các HTX sản xuất và xuất cảng rau chủ yếu ở Đà Lạt thì "*vì kỹ thuật sản xuất thấp kém, giá vốn sản xuất cao so với giá rau ở ngoại quốc, nên năm vừa rồi, mức xuất cảng bị sụt*" (15); Ngay đến việc vận chuyển cung ứng rau cho thị trường lớn nhất là đô thành Sài Gòn cũng là một vấn đề nan giải, quyết định sự sống còn của các HTX ngành này; đặc biệt vào những năm mà chiến sự gia tăng, việc vận chuyển rau theo cách thông thường về Sài Gòn không thể thực hiện được nữa, HTX Đà Lạt và chính quyền tỉnh Tuyên Đức đã phải cầu cứu chính quyền Sài Gòn "*cho máy bay để thực hiện nghiệp vụ chở rau*" (16)! Một ví dụ nữa về tình cảnh của các HTX miền Nam là các HTX trà, mà chủ yếu ở Lâm Đồng. Dưới thời Ngô Đình Diệm đã có một sự ưu ái đặc biệt khi bắt quân đội Việt Nam Cộng hòa bao tiêu sử dụng sản phẩm trà của các HTX này, nên các HTX trà vẫn "sống được"; nhưng từ sau khi quân đội Việt Nam Cộng hòa làm đảo chính lật đổ chế độ Diệm, các HTX trà cũng ngay lập tức rơi vào tình cảnh nguy ngập khi quân đội Việt Nam Cộng hòa chê chất lượng trà bồm của các HTX quá kém không dùng nữa; các HTX trà Lâm Đồng liên tục trong các năm 1964-1965 có đơn khẩn cứu đến các Bộ và Thủ tướng chính phủ Sài Gòn. Trong bản kiến nghị ngày 22-3-1964 có viết như sau: "*ngành trà hết sức ế ẩm, giá trà tụt xuống quá tệ mạt, đời sống nhân dân rất cơ khổ, thậm chí có nhiều gia đình phải cầm bán vật dụng trong nhà để tạm sinh sống, hoặc đã phải rời bỏ vườn tược đi tìm kế sinh nhai nơi khác*" (17). Đối với các HTX tiểu công nghệ thì tình cảnh cũng không sáng sủa hơn là mấy. Trong một nền kinh tế mà chủ "*ăn nhiều hơn làm*", "*tiêu thụ nhiều hơn sản xuất*", hiện tượng nhập siêu là tất yếu, do đó dẫn đến tình trạng bóp nghẹt các ngành, các tổ chức sản xuất trong nước. Lấy ví dụ trường hợp Liên hiệp HTX đường mía Quảng Ngãi và tình cảnh những nông dân vùng "Trung nguyên Trung phần", thấy rằng: "*phần đông nông dân miền Trung sống về nghề trồng mía, nhưng khi nấu ra đường thì không tiêu thụ được vì đường ngoại quốc từ Sài Gòn chở ra quá nhiều... nên số đường ứ đọng không biết xử dụng vào đâu hầu lấy tiền trang trải nợ Nông tín*" (18)! Nạn nhân của tình cảnh bi hài của nền kinh tế "*thừa đường thiếu gạo*" này không ai khác ngoài các

nông dân xã viên của các HTX đường miền Trung.

Thay cho lời kết về vai trò và chất lượng thực sự của tổ chức HTX ở miền Nam Việt Nam thời kỳ 1954-1975, chúng tôi xin dẫn ra đây một vài con số xếp loại, đánh giá của chính bản thân chính quyền Sài Gòn về các HTX được tổng hợp qua báo cáo hoạt động một số năm của cơ quan phụ trách tổ chức HTX của chính quyền này: Năm 1959, trong số 353 HTX chỉ có 257 HTX hoạt động; Năm 1960, trong số 371 HTX có 123 HTX bị xếp vào diện đề nghị xem xét cho giải tán, 50 HTX hoạt động khá (hạng A), 178 HTX (65%) hoạt động thua lỗ (hạng B) và 45 HTX (17%) hầu như không có hoạt động (hạng C); Năm 1961 trong 285 HTX mới có 54 HTX lập xong nội quy, 7 HTX bị giải thể, xếp hạng A có 61 HTX (21%), hạng B có 155 HTX (53%), hạng C có 69 HTX (26%); Năm 1962 trong số 292 HTX, hạng A có 71 HTX, hạng B có 140 HTX, hạng C có 50 HTX và hạng D có 35 HTX. Đến năm 1974 trong số 750 HTX có 386 HTX (51,5%) không hoạt động.

Nhìn chung, bên cạnh những mặt yếu kém của tổ chức HTX miền Nam thời kỳ 1954-1975, cũng có những HTX đã dù ít dù nhiều, ngắn hay dài, đã có những đóng góp tích cực trong hoạt động sản xuất phát triển kinh tế, đặc biệt là góp một phần cải thiện đời sống người dân. Điển hình như HTX trà Cao Nguyên đã góp phần ổn định đời sống số đồng bào di cư từ Bắc vào Nam năm 1954 và lên lập nghiệp tại "Cao nguyên Trung phần", hoặc một số HTX tiếp liệu, mãi dịch, ngư nghiệp đã có những đóng góp trong việc phát triển sản xuất của một bộ phận nông dân trong những khoảng thời gian nhất định. Song xét thực tế cơ cấu tổ chức, tình hình hoạt động như trên thì những cái được và sự đóng góp của tổ chức các HTX vào đời sống kinh tế - xã hội miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 còn rất hạn chế. Sự yếu ớt của các HTX trong việc thể hiện vai trò, sự đóng góp, tiếng nói của mình trong cơ cấu kinh tế miền Nam Việt Nam trước hết là do những hạn chế nội tại của tổ chức này; sau đó là sức ép của một nền kinh tế không lành mạnh, phụ thuộc viện trợ và hàng hoá nhập cảng, dịch vụ phát triển cao hơn cả công - nông nghiệp cộng lại; sự khốc liệt của một thị trường nơi mà trước hết có vai trò "lũng đoạn" của các thương nhân tự do, nhất là số các thương nhân Hoa kiều; chính quyền Sài Gòn một mặt cũng tạo điều kiện cho các tổ chức HTX này phát triển, thậm chí hy vọng nó góp phần "bao trùm" đời sống kinh tế -xã hội miền Nam, song do nhiều nguyên nhân khác nhau mà cuối cùng các chính quyền Sài Gòn ở các thời kỳ khác nhau đều đi đến "trái với mong muốn" là đã kìm hãm sự phát triển của các HTX. Dưới thời Ngô Đình Diệm đi từ chỗ nói là tôn trọng sự "tự nguyện, tự quản, tự chủ" của các HTX tới chỗ xiết chặt quản lý, kiểm tra kiểm soát gắt gao các hoạt động của HTX, dùng sức mạnh chi phối của đồng vốn để lái các HTX phục vụ chủ yếu cho mục tiêu chính trị "chống cộng", làm lệch lạc hoạt động của các HTX. Giai đoạn từ sau 1963 trở đi, chính quyền Sài Gòn ngày càng lún sâu vào các bê bối chính trị ở trung ương, đảo chính liên miên, bị quay cuồng trong cuộc tiến công liên tiếp, toàn diện trên khắp các mặt trận, các lĩnh vực của quân và dân ta trên toàn miền Nam, nên chính quyền Sài Gòn gần như "buông trôi" tổ chức các HTX, hầu như không có thêm một chính sách nào mới để định hướng và tạo điều kiện "nâng đỡ" cho các HTX phát triển. Chính cả hai thái cực trên (xiết chặt và buông lỏng không quan tâm) đều tác động rất nhiều

đến sự phát triển không lành mạnh, không ổn định, "sống dở chết dở" của các HTX ở miền Nam. Sự thất bại của chính quyền Sài Gòn thời kỳ 1954 - 1975 trong việc tổ chức xây dựng phát triển các HTX là một biểu hiện tiêu biểu cho thất bại của họ trên mặt trận kinh tế, sự thất bại đúng như lời phát biểu thừa nhận của một quan chức cấp cao của chính quyền Sài Gòn: họ đã sụp đổ, đã thất bại về kinh tế trước khi bị sụp đổ, bị đánh bại vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

CHÚ THÍCH

(1). Hà Vĩnh Tường. *Vai trò của Hợp tác xã trong công cuộc phát triển xã hội tại Việt Nam*, Luận văn tốt nghiệp Ban Đốc sự khóa XVII (1969-1972). Học viện quốc gia hành chánh Sài Gòn, Sài Gòn, 1972, tr. 4.

(2). Hà Vĩnh Tường. *Vai trò Hợp tác xã...*, sđd, tr. 20-21.

(3). Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín. *Báo cáo hoạt động năm 1959*, tr. 12.

(4). Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín. *Báo cáo hoạt động năm 1959*, tr. 1.

(5). Dẫn theo Hà Vĩnh Tường. *Vai trò của Hợp tác xã trong công cuộc phát triển xã hội tại Việt Nam*, tlđd, tr. 49; Vũ Thị Thuý. *Hợp tác xã Tín dụng và Tiết kiệm tại Việt Nam*, Luận văn tốt nghiệp Ban Đốc sự khoá XVII (1969-1972) Học viện Quốc gia Hành chính Sài Gòn, Sài Gòn, 1972, tr. 50.

(6). Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín. *Báo cáo hoạt động năm 1960*, tr. 20.

(7). *Báo cáo của Nha tổ chức nông dân và HTX* (dẫn theo: Hoàng Văn Bình. *Chính sách nông dân tại Việt Nam cộng hoà*. Luận văn tốt nghiệp Ban Đốc sự khoá XIX (1971-1974) Học viện Quốc gia Hành chính Sài Gòn, Sài Gòn, 1974, tr. 53).

(8). Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín. *Báo cáo hoạt động năm 1960*, tr. 32.

(9). Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín. *Báo cáo hoạt động năm 1960*, tr. 31.

(10). Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín. *Báo cáo hoạt động năm 1963*, tr. 47.

(11). Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín, *Báo cáo hoạt động năm 1960*, tr. 28

(12). *Biên bản phiên họp ngày 15-10-1973 hồi 15 giờ tại Bộ kinh tế về việc phân phối bắp và giá bắp nhập cảng*, Tài liệu TTLTQG II, Hồ sơ số 28210, tờ 106.

(13). Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín. *Báo cáo hoạt động năm 1961*, tr. 19.

(14). Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín. *Báo cáo hoạt động năm 1961*, tr. 19.

(15). Phủ Tổng ủy HTX và Nông tín. *Báo cáo hoạt động năm 1961*, tr. 20.

(16). Tài liệu TTLTQG II, Phông phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 22213.

(17). Tài liệu TTLTQG II, Phông phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 22212, tờ số 24.

(18) Tài liệu TTLTQG II, Phông phủ Thủ tướng, Hồ sơ số 21991, tờ số 56.